

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
(Dùng cho hộ gia đình, cá nhân)

Mẫu số: 01/TK-SDDPNN
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 156/TT-BTC ngày
6/11/2013 của Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2019

[02] lần đầu: [03] bổ sung lần thứ:

I/ PHẦN NGƯỜI NỘP THUẾ TỰ KHAI

1. Người nộp thuế [04] Họ và tên: **LÊ HOÀNG MINH PHỤNG**

[05] Ngày tháng năm sinh: 1963 [06] Mã số thuế:

[07] Số CMND/hộ chiếu: 272 162 086 Nơi cấp: **CA Đồng Nai**

[10] Địa chỉ cư trú: **Ấp 94**

[10.1] Tổ/thôn:

[10.2] Phường/xã/thị trấn: **Xã Túc Trung**

[10.3] Quận/huyện: **Định Quán**

[10.4] Tỉnh/Thành phố: **Đồng Nai**

[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế:

[11.1] Điện thoại:

[12] Số tài khoản-tại ngân hàng (nếu có):

2. Đại lý thuế (nếu có)

[13] Tên tổ chức:

[14] Mã số thuế:

[15] Địa chỉ nhận thông báo thuế:

[15.1] Phường/xã/thị trấn:

[15.2] Quận/huyện:

[15.3] Tỉnh/Thành phố:

[15.4] Điện thoại:

Fax:

Email:

[15.5] Hợp đồng đại lý thuế:

Số hợp đồng :

Ngày : .../.../.....

3. Thừa đất chịu thuế

[16] Địa chỉ:....

[17] Tổ/Thôn: **Ấp 94**

[18] Phường/xã/thị trấn: **Túc Trung**

[19] Quận/huyện: **Định Quán**

[20] Tỉnh/Thành phố: **Đồng Nai**

[21] Là thừa đất duy nhất:

[22] Đăng ký kê khai tổng hợp tại (quận/huyện):

[23] Đã có giấy chứng nhận:

Số giấy chứng nhận: **BE 386934**

[23.1] Ngày cấp: **31/12/2013**

[23.2] Thừa đất số: **11**

[23.3] Tờ bản đồ số: **58**

[23.4] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN: **400 m²**

[23.5] Mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp (đất ở, đất sản xuất kinh doanh...): **400 m²**

[24] Tổng diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:

[24.1] Diện tích đất sử dụng đúng mục đích

[24.2] Diện tích đất sử dụng sai mục đích /chưa sử dụng theo đúng quy định:

[24.3] Hạn mức (nếu có):

[24.4] Diện tích đất lấn, chiếm:

[25] Chưa có giấy chứng nhận:

[25.1] Diện tích:

[25.2] Mục đích đang sử dụng:

4. [26] Đối với đất ở nhà chung cư (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):

[26.1] Loại nhà:

[26.2] Diện tích:

[26.3] Hệ số phân bổ:

5. [27] Trường hợp miễn, giảm thuế: (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách,...).....

6. Đăng ký nộp thuế:

Nộp thuế một lần trong năm

Nộp thuế theo 2 lần trong năm

Nộp cho cả thời kỳ ổn định: năm:

Định Quán, Ngày 16 tháng 01 năm 2019

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ Chứng chỉ

Ký tên, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Phụng

Lê Hoàng Minh Phụng

II/ PHÂN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CHỨC NĂNG

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

1. Người nộp thuế

[28] Họ và tên: Lê Hoàng Minh Hưng
[29] Ngày tháng năm sinh: 1963
[30] Mã số thuế:
[31] Số CMND/hộ chiếu: 272162086
[32] Ngày cấp:
[33] Nơi cấp: Tỉnh Núi

2. Thửa đất chịu thuế

[34] Địa chỉ:
[35] Tò/Thôn: Ấp 94
[36] Phường/xã/thị trấn: Túc Trưng [37] Quận/huyện: Bình Xuyên [38] Tỉnh/Thành phố: Đồng Nai
[39] Đã có giấy chứng nhận Số GCN: BE 386934 [39.1] Ngày cấp: 31/12/2013
[39.2] Thửa đất số: 11 [39.3] Tờ bản đồ số: 58
[39.4] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN: 400m²
[39.5] Diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:
[39.6] Mục đích sử dụng: ONT [39.7] Hạn mức: (Hạn mức tại thời điểm cấp GCN)
[40] Chưa có giấy chứng nhận: [40.1] Diện tích:
[40.2] Mục đích đang sử dụng:

3. Trường hợp miễn, giảm thuế: [41] (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách ...)

4. Căn cứ tính thuế

[42] Diện tích đất thực tế sử dụng: 400m² [43] Hạn mức tính thuế:
[44] Thông tin xác định giá đất: [44.1] Loại đất: ONT
[44.2] Tên đường/vùng:
[44.3] Đoạn đường/khu vực: Đường từ Bến Xe Phú Túc đến cây xăng Tân Nghĩa
[44.4] Loại đường: [44.5] Vị trí/hạng:
[44.6] Giá đất: [44.7] Hệ số (đường/hẻm):
[44.8] Giá 1 m² đất (Giá đất theo mục đích sử dụng):

5. Diện tích đất tính thuế

5.1. Đất ở (Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)

Tính trên diện tích có quyền sử dụng:

[45] Diện tích trong hạn mức (thuế suất: 0,03%)	[46] Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức (thuế suất: 0,07%)	[47] Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức (thuế suất 0,15%)
...

5.2. Đất ở nhà chung cư (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):

[48] Diện tích: [49] Hệ số phân bổ:

5.3. [50] Diện tích đất sản xuất kinh doanh – Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích:

5.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:

[51] Diện tích : [52] Mục đích thực tế đang sử dụng:

[53] Hệ số phân bổ (đối với nhà chung cư):

5.5. Đất lấn chiếm

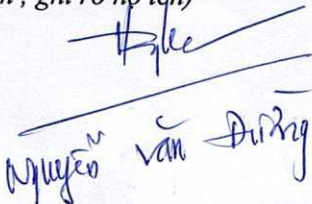
[54] Diện tích : [55] Mục đích thực tế đang sử dụng:

[56] Hệ số phân bổ (đối với nhà chung cư):

Ngày tháng..... năm.....

Cán bộ địa chính xã /phường

(Ký tên, ghi rõ họ tên)



Ngày tháng..... năm.....

CHỦ TỊCH UBND XÃ /PHƯỜNG

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

